

KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - NGÀY 27/12/2015

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1	BK05001	12D301Đ022	Nguyễn Hoàng	Dinh	25.01.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-CK3	6.0	3.5	6.0	5.5	Trung bình
2	BK05194	13D2040002	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	12.12.95	Quảng Ngãi	13CĐ-M	5.5	7.0	7.0	6.5	Trung bình
3	BK05003	12D301Đ001	Bùi Thuận	An	14.03.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ1	5.5	5.0	5.0	5.5	Trung bình
4	BK05415	13D2010001	Huỳnh Trần Công	An	08.09.95	Tp.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK2	2.5	3.5	4.0	3.0	Không đạt
5	BK05103	13D301Đ001	Lương Hoàng Thuận	An	07.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	13CĐ-Đ1	6.5	6.5	6.0	6.5	Trung bình
6	BK05402	11D0040037	Phạm Vũ	An	08.02.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	2.5	3.5	5.0	3.5	Không đạt
7	BK05384	13D201M095	Trần Long	An	11.01.95	Cà Mau	13CĐ-TM1	4.0	3.5	5.0	4.0	Không đạt
8	BK05425	13D2010002	Bùi Thiên	Ân	28.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK3	3.5	3.0	7.0	4.5	Không đạt
9	BK05247	13D2050293	Đặng Trần Hoàng	Ân	17.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	6.0	3.5	7.0	5.5	Trung bình
10	BK05085	13D2010003	Nguyễn Hồng	Ân	28.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK4	6.0	9.0	6.0	7.0	Khá
11	BK05024	13D2010004	Trương Văn	Ấn	11.06.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-CK1	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
12	BK05316	13D201M001	Huỳnh Lâm Thế	Anh	25.12.94	Kiên Giang	13CĐ-TM1	5.5	9.0	6.0	6.5	Trung bình
13	BK05008	12D3010004	Lê Bảo	Anh	16.11.92	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-ĐT1	5.0	5.5	5.0	5.0	Trung bình
14	BK05350	13D201P003	Nguyễn Hữu Tuân	Anh	22.08.94	Tiền Giang	13CĐ-TP1	6.5	8.0	9.0	7.5	Khá
15	BK05370	11D0040002	Nhữ Huỳnh Phi	Anh	26.06.92	Bình Thuận	12CĐ-TP1	5.0	5.5	6.0	5.5	Trung bình
16	BK05273	13D2050004	Phạm Tuấn	Anh	15.10.95	Đồng Nai	13CĐ-Ô2	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
17	BK05226	13D2060001	Trần Ngọc	Anh	10.10.94	Tuy Phước, Bình Định	13CĐ-NL1	5.0	7.0	4.0	5.5	Trung bình
18	BK05403	13D2010005	Trần Đình	Ất	25.05.95	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	13CĐ-CK1	2.0	4.0	5.0	3.5	Không đạt
19	BK05053	13D2010007	Đình Quốc	Bảo	17.08.95	Hàm Tân, Bình Thuận	13CĐ-CK2	6.5	8.5	4.0	6.5	Trung bình
20	BK05454	13D301Đ006	Dương Hồng	Bảo	29.09.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CĐ-Đ2	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
21	BK05472	13D2050006	Lê Vạn	Bảo	24.02.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô1	6.5	6.5	8.0	7.0	Khá
22	BK05227	13D2060003	Nguyễn Khoa	Bảo	01.09.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-NL1	4.5	6.0	3.0	4.5	Không đạt
23	BK05086	13D2010009	Trần Đình	Bảo	16.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK4	6.5	9.0	6.0	7.0	Khá
24	BK05113	13D301Đ010	Trần Đình	Bảy	06.06.95	Đạ Huoai, Lâm Đồng	13CĐ-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
25	BK05317	13D201M004	Châu Thị	Bé	21.03.95	Bến Tre	13CĐ-TM1	6.0	9.0	7.0	7.0	Khá
26	BK05025	13D2010011	Vòng Đình	Bích	04.08.94	Long Thành, Đồng Nai	13CĐ-CK1	7.0	7.0	6.0	7.0	Khá
27	BK05164	13D3010176	Đặng Thanh	Bình	22.03.95	Kiên Giang	13CĐ-ĐT2	7.0	9.0	6.0	7.5	Khá

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
28	BK05165	13D3010002	Đinh Khắc	Bình	15.03.95	Quảng Ninh	13CĐ-ĐT2	7.0	8.5	7.0	7.5	Khá
29	BK05248	13D2050008	Ngô Xuân	Bình	18.02.93	Bình Thuận	13CĐ-Ô1	4.0	5.5	5.0	4.5	Không đạt
30	BK05513	12D201P005	Nguyễn Thanh	Bình	20.09.94	Đồng Nai	13CĐ-TP2	4.5	8.0	7.0	6.0	Trung bình
31	BK05351	13D201P008	Nguyễn Thanh	Bình	15.12.94	Bến Tre	13CĐ-TP1	2.5	3.5	5.0	3.5	Không đạt
32	BK05373	13D201M005	Nguyễn Thanh	Bình	09.01.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-TM1	4.0	3.5	5.0	4.0	Không đạt
33	BK05228	13D2060005	Phạm Quốc	Bình	11.01.95	Đồng Tháp	13CĐ-NL1	4.5	6.5	7.0	5.5	Trung bình
34	BK05026	13D2010272	K'	Bis	27.06.95	Lâm Đồng	13CĐ-CK1	7.0	7.0	4.0	6.5	Trung bình
35	BK05027	13D2010012	Nguyễn Trương	Bửu	26.12.95	Đồng Tháp	13CĐ-CK1	7.0	6.5	4.0	6.0	Trung bình
36	BK05393	13D2050298	Hồ Văn	Cảnh	10.09.95	Bến Tre	13CĐ-Ô3	1.5	3.0	vắng	1.5	Không đạt
37	BK05054	13D2010013	Trần Hữu	Cảnh	24.08.95	Bình Đại, Bến Tre	13CĐ-CK2	6.5	8.5	5.0	6.5	Trung bình
38	BK05249	13D2050011	Đặng Minh	Châu	29.11.95	Cai Lậy, Tiền Giang	13CĐ-Ô1	4.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt
39	BK05017	12D201P008	Lê Văn	Chí	20.02.94	Bà Rịa-Vũng Tàu	12CĐ-TP1	6.5	5.5	6.0	6.0	Trung bình
40	BK05404	13D2010016	Lê Hữu	Chinh	07.06.95	Đắk Lắk	13CĐ-CK1	4.0	4.0	5.0	4.5	Không đạt
41	BK05028	13D2010017	Trần Bảo	Chinh	08.06.92	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-CK1	6.5	5.5	4.0	5.5	Trung bình
42	BK05464	13D3010005	Nguyễn Thành	Chung	10.02.94	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CĐ-ĐT1	5.0	7.0	7.0	6.0	Trung bình
43	BK05352	13D201P012	Lê Chí	Công	1994	Bạc Liêu	13CĐ-TP1	3.5	5.0	6.0	4.5	Không đạt
44	BK05426	13D2010020	Võ Duy	Công	25.07.94	Lâm Đồng	13CĐ-CK3	3.0	4.5	6.0	4.0	Không đạt
45	BK05250	13D2050013	Nguyễn Mạnh	Cường	07.05.95	Lâm Đồng	13CĐ-Ô1	4.0	4.5	6.0	4.5	Không đạt
46	BK05397	13D301Đ022	Phạm Duy	Cường	22.07.95	Long An	13CĐ-Đ2	4.0	5.5	4.0	4.5	Không đạt
47	BK05298	13D2050015	Phạm Quốc	Cường	16.12.95	Sông Bé	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
48	BK05541	12D201P012	Trần Hùng	Cường	12.8.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	5.5	6.0	4.0	5.5	Trung bình
49	BK05133	13D3010018	Nguyễn Hải	Đăng	19.05.95	H.Bình Đại, T.Bến Tre	13CĐ-ĐT1	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
50	BK05274	13D2050029	Phạm Hải	Đăng	15.08.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.0	7.0	8.0	7.5	Khá
51	BK05029	13D2010030	Vũ Minh	Đăng	01.04.95	Đồng Nai	13CĐ-CK1	6.0	6.0	5.0	6.0	Trung bình
52	BK05229	13D2060007	Võ Thành	Danh	07.02.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-NL1	4.0	5.5	8.0	5.5	Trung bình
53	BK05318	13D201M009	Khương Công Thái	Đạt	25.08.94	Thanh Hóa	13CĐ-TM1	6.5	9.0	7.0	7.5	Khá
54	BK05087	13D2010033	Lê Minh	Đạt	20.08.94	Đồng Tháp	13CĐ-CK4	6.0	7.5	7.0	6.5	Trung bình
55	BK05018	12D201P015	Lê Nguyễn Tiến	Đạt	28.09.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CĐ-TP1	6.5	5.0	6.0	6.0	Trung bình
56	BK05251	13D2050031	Lê Vũ	Đạt	08.08.93	Thái Bình	13CĐ-Ô1	7.0	7.0	6.5	7.0	Khá
57	BK05405	13D2010034	Mai Công	Đạt	25.06.94	Đắk Lắk	13CĐ-CK1	2.5	3.0	4.0	3.0	Không đạt
58	BK05330	13D201M010	Ngô Thành	Đạt	06.08.94	Bình Định	13CĐ-TM2	4.5	7.0	6.0	5.5	Trung bình
59	BK05331	13D201M011	Nguyễn	Đạt	27.03.95	Đắk Lắk	13CĐ-TM2	4.0	6.5	7.5	5.5	Trung bình
60	BK05166	13D3010177	Nguyễn Tấn	Đạt	09.04.95	Tiền Giang	13CĐ-ĐT2	7.0	5.5	8.0	7.0	Khá
61	BK05551	13D2050033	Nguyễn Tiến	Đạt	13.09.95	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	6.0	7.0	4.0	6.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
62	BK05056	13D2010037	Phạm Hữu	Đạt	12.07.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-CK2	6.0	9.0	4.0	6.5	Trung bình
63	BK05504	13D201M012	Trần Mẫn	Đạt	14.08.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TM2	5.5	5.0	8.0	6.0	Trung bình
64	BK05475	13D2050034	Trần Quốc	Đạt	15.09.95	Bình Định	13CD-Ô2	4.0	3.5	4.0	4.0	Không đạt
65	BK05382	13D201M087	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	28.01.95	Quảng Trị	13CD-TM1	4.5	3.5	5.0	4.5	Không đạt
66	BK05011	12D3010031	Nguyễn Khắc	Điệp	10.10.94	Tây Ninh	12CD-ĐT2	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
67	BK05104	13D301Đ037	Nguyễn Thành	Đồng	28.02.95	Long An	13CD-Đ1	6.5	7.0	4.0	6.0	Trung bình
68	BK05540	12D201P018	Trần Trí	Đồng	07.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-TP1	4.5	6.5	4.0	5.0	Trung bình
69	BK05114	13D301Đ038	Hàn Minh	Đức	26.08.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
70	BK05275	13D2050039	Hoàng Minh	Đức	05.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	7.5	7.5	7.0	7.5	Khá
71	BK05332	13D201M016	Ngô Hiền	Đức	30.01.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	4.5	6.0	7.5	5.5	Trung bình
72	BK05252	13D2050041	Nguyễn Hữu	Đức	12.02.94	Khánh Hòa	13CD-Ô1	6.5	7.0	4.5	6.0	Trung bình
73	BK05374	13D201M017	Nguyễn Quang	Đức	03.02.95	Bình Định	13CD-TM1	5.0	3.5	5.0	4.5	Không đạt
74	BK05276	13D2050019	Hồ Chí	Dũng	12.10.95	Quảng Ngãi	13CD-Ô2	7.5	7.5	8.0	7.5	Khá
75	BK05167	13D3010011	Nguyễn Đình	Dũng	26.11.93	Nghệ An	13CD-ĐT2	5.0	5.0	6.0	5.5	Trung bình
76	BK05105	13D301Đ025	Nguyễn Ngọc	Dũng	16.11.93	Bình Thuận	13CD-Đ1	6.0	6.5	4.0	5.5	Trung bình
77	BK05030	13D2010024	Phạm Hoàng	Dũng	10.02.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CD-CK1	6.0	6.0	7.0	6.5	Trung bình
78	BK05134	13D3010012	Phạm Văn	Dũng	03.08.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-ĐT1	7.0	7.0	4.0	6.5	Trung bình
79	BK05514	13D201P127	Trần Văn	Dũng	20.02.95	Quảng Bình	13CD-TP2	5.0	7.0	7.0	6.0	Trung bình
80	BK05525	13D2050305	Trần Việt	Dũng	01.04.94	Lâm Đồng	13CD-Ô3	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
81	BK05031	13D2010273	Phạm Ngọc	Dược	16.04.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-CK1	6.0	5.0	6.0	6.0	Trung bình
82	BK05455	13D301Đ026	Trương Thành	Dương	27.09.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CD-Đ2	6.0	7.0	6.0	6.5	Trung bình
83	BK05253	13D2050023	Võ Đại	Dương	13.03.95	Tiền Giang	13CD-Ô1	6.5	5.0	5.5	6.0	Trung bình
84	BK05277	13D2050024	Đào Minh	Duy	12.06.95	Vĩnh Long	13CD-Ô2	7.0	7.5	6.0	7.0	Khá
85	BK05032	13D2010026	Nguyễn Hữu	Duy	01.01.95	Tuy Hòa, Phú Yên	13CD-CK1	6.5	4.5	7.0	6.0	Trung bình
86	BK05465	13D3010014	Nguyễn Khánh	Duy	26.09.95	Lâm Đồng	13CD-ĐT1	4.5	5.5	5.0	5.0	Trung bình
87	BK05033	13D2010274	Nguyễn Nhật	Duy	02.06.95	Thanh Hưng, Đồng Tháp	13CD-CK1	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
88	BK05299	13D2050025	Nguyễn Tấn	Duy	02.10.95	Bình Định	13CD-Ô3	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
89	BK05476	13D2050267	Nguyễn Thái	Duy	20.08.95	Quảng Ngãi	13CD-Ô2	3.5	3.5	4.0	3.5	Không đạt
90	BK05002	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	05.07.94	Quảng Ngãi	12CD-CK3	5.5	5.0	4.0	5.0	Trung bình
91	BK05034	13D2010279	Phạm Ngọc	Duy	06.08.94	Phan Thiết, Bình Thuận	13CD-CK1	7.0	7.0	8.0	7.5	Khá
92	BK05035	13D2010028	Phạm Vũ	Duy	30.04.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CD-CK1	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
93	BK05195	13D2040064	Lương Tâm	Em	03.04.91	Đồng Tháp	13CD-M	5.5	9.0	8.0	7.0	Khá
94	BK05230	13D2060013	Nguyễn Văn	Gia	28.03.88	Thừa Thiên - Huế	13CD-NL1	4.0	5.5	7.0	5.0	Trung bình
95	BK05533	13D201M018	Huỳnh Trường	Giang	19.04.95	Cà Mau	13CD-TM2	6.5	8.0	4.0	6.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
96	BK05550	13D201P021	Lâm Vũ Trường	Giang	17.11.95	Sông Bé	13CD-TP1	5.0	7.5	5.0	5.5	Trung bình
97	BK05196	13D2040007	Lê Nguyễn Kim	Giao	22.09.94	Thừa Thiên - Huế	13CD-M	6.5	8.5	8.0	7.5	Khá
98	BK05088	13D2010045	Nguyễn Hữu	Gin	19.07.95	Quảng Ngãi	13CD-CK4	6.0	8.0	6.0	6.5	Trung bình
99	BK05115	13D301Đ042	Nguyễn Văn	Hà	23.03.95	Đồng Phú, Sông Bé	13CD-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
100	BK05012	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh	Hạ	13.06.93	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-M	6.0	6.5	5.0	6.0	Trung bình
101	BK05197	13D2040008	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	24.07.95	Bình Định	13CD-M	5.0	7.0	8.0	6.5	Trung bình
102	BK05036	13D2010046	Lê Phúc	Hải	15.06.95	Bến Tre	13CD-CK1	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
103	BK05058	13D2010047	Nguyễn Công	Hải	20.04.95	Tuy Hòa, Phú Yên	13CD-CK2	6.0	9.0	6.0	7.0	Khá
104	BK05278	13D2050049	Nguyễn Phúc	Hải	22.03.95	Đồng Nai	13CD-Ô2	7.0	6.0	6.0	6.5	Trung bình
105	BK05300	13D2050050	Nguyễn Tịnh	Hải	15.09.95	Vĩnh Long	13CD-Ô3	7.0	6.5	6.0	6.5	Trung bình
106	BK05135	13D3010026	Phạm Giang	Hải	20.05.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CD-ĐT1	7.0	7.0	4.0	6.5	Trung bình
107	BK05231	13D2060015	Phạm Khắc	Hải	29.11.95	Tứ Kỳ, Hải Dương	13CD-NL1	4.0	5.5	7.0	5.0	Trung bình
108	BK05037	13D2010048	Võ Duy	Hải	30.03.95	Quế Sơn, Quảng Nam	13CD-CK1	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
109	BK05386	13D201P023	Võ Minh	Hải	08.09.94	Long An	13CD-TP1	2.5	6.0	4.0	4.0	Không đạt
110	BK05198	13D2040057	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	04.12.95	Bến Tre	13CD-M	7.0	8.5	7.0	7.5	Khá
111	BK05254	13D2050052	Trần Trọng	Hân	05.03.95	Kiên Giang	13CD-Ô1	5.5	5.5	6.0	5.5	Trung bình
112	BK05199	13D2040010	Bạch Thị Thúy	Hằng	22.01.95	Tiền Giang	13CD-M	5.5	8.5	7.0	6.5	Trung bình
113	BK05200	13D2040011	Bùi Thị Kim	Hằng	03.05.95	Đồng Nai	13CD-M	6.5	7.5	7.0	7.0	Khá
114	BK05089	13D2010051	Huỳnh Văn	Hạnh	10.04.95	Bình Định	13CD-CK4	6.5	7.5	7.0	7.0	Khá
115	BK05255	13D2050058	Nguyễn Chí	Hào	10.07.95	Khánh Hòa	13CD-Ô1	5.5	5.0	8.0	6.0	Trung bình
116	BK05168	13D3010168	Nguyễn Phi	Hào	03.02.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CD-ĐT2	6.0	6.0	9.0	7.0	Khá
117	BK05136	13D3010029	Nguyễn Tấn Anh	Hào	05.04.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-ĐT1	7.0	7.5	6.0	7.0	Khá
118	BK05456	13D301Đ205	Mai Văn	Hảo	22.05.95	Tuy Phong, Bình Thuận	13CD-Đ2	6.0	6.5	4.0	5.5	Trung bình
119	BK05333	13D201M020	Nguyễn Phúc	Hậu	30.09.95	Tiền Giang	13CD-TM2	5.5	7.5	8.0	6.5	Trung bình
120	BK05279	13D2050064	Trương Khánh	Hậu	01.07.95	Bình Định	13CD-Ô2	7.0	6.0	8.0	7.0	Khá
121	BK05232	13D2060017	Phan Thị	Hết	10.12.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CD-NL1	5.0	5.5	6.0	5.5	Trung bình
122	BK05256	13D2050304	Nguyễn Minh	Hiển	16.07.95	Đồng Nai	13CD-Ô1	5.5	5.0	6.0	5.5	Trung bình
123	BK05461	13D301Đ047	Phương Văn	Hiển	05.08.94	Tuy Phong, Bình Thuận	13CD-Đ3	6.5	6.5	5.0	6.0	Trung bình
124	BK05201	13D2040012	Võ Thị Ngọc	Hiển	12.12.94	Bình Thuận	13CD-M	4.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt
125	BK05038	13D2010058	Mai Xuân	Hiệp	12.03.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CD-CK1	7.0	7.0	4.0	6.5	Trung bình
126	BK05361	13D201P026	Cao Trí	Hiếu	16.07.95	Hậu Giang	13CD-TP2	6.0	7.0	6.0	6.3	Trung bình
127	BK05257	13D2050068	Giáp Văn	Hiếu	10.09.94	Bắc Giang	13CD-Ô1	5.5	5.5	6.0	5.5	Trung bình
128	BK05233	13D2060070	Hoàng Trung	Hiếu	18.10.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CD-NL1	4.5	6.5	5.0	5.0	Trung bình
129	BK05477	13D2050069	La Xuân	Hiếu	11.01.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-Ô2	5.0	4.0	5.0	5.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
130	BK05334	13D201M056	Lý Hữu	Hiếu	10.07.92	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	6.5	9.0	7.5	7.5	Khá
131	BK05530	13D2010063	Nguyễn Minh	Hiếu	01.12.95	Tiền Giang	13CD-CK4	6.5	7.0	4.0	6.0	Trung bình
132	BK05406	13D2010064	Nguyễn Văn	Hiếu	09.10.95	Hà Bắc	13CD-CK1	1.5	3.5	5.0	3.0	Không đạt
133	BK05319	13D201M086	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	29.12.95	Long An	13CD-TM1	6.0	9.0	6.0	7.0	Khá
134	BK05280	13D2050279	Đỗ Minh	Hòa	21.02.95	Sông Bé	13CD-Ô2	7.0	6.5	6.0	6.5	Trung bình
135	BK05398	13D301Đ051	Hoàng Văn	Hòa	08.09.94	M'Đrăk, T.Đăk Lăk	13CD-Đ3	5.0	5.0	5.0	5.0	Trung bình
136	BK05106	13D301Đ053	Nguyễn Ngọc	Hoài	09.03.95	Bình Thuận	13CD-Đ1	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
137	BK05039	13D2010066	Nguyễn Văn	Hoài	04.06.95	An Nhơn, Bình Định	13CD-CK1	7.0	8.0	5.0	7.0	Khá
138	BK05059	13D2010067	Trương Công	Hoài	18.04.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CD-CK2	6.0	9.0	3.0	6.0	Trung bình
139	BK05335	13D201M022	Võ Văn	Hoài	10.02.94	Bình Định	13CD-TM2	6.0	9.0	7.0	7.0	Khá
140	BK05427	13D2010068	Nguyễn Thành	Hoan	19.11.95	Tuy Phước, Bình Định	13CD-CK3	2.5	3.5	4.5	3.5	Không đạt
141	BK05169	13D3010036	Đình Khải	Hoàn	19.11.94	Đồng Nai	13CD-ĐT2	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
142	BK05116	13D301Đ054	Nguyễn	Hoàng	27.12.95	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	13CD-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
143	BK05258	13D2050073	Nguyễn Minh	Hoàng	01.08.95	Thái Bình	13CD-Ô1	5.5	5.5	8.0	6.0	Trung bình
144	BK05478	13D2050074	Nguyễn Văn	Hoàng	30.10.94	Hà Tĩnh	13CD-Ô2	4.0	5.0	7.0	5.0	Trung bình
145	BK05170	13D3010169	Phạm Ngọc	Hoàng	03.04.95	Cư M'gar, Đăk Lăk	13CD-ĐT2	5.5	8.0	5.0	6.0	Trung bình
146	BK05137	13D3010039	Nguyễn Văn	Hoanh	14.10.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	7.0	7.5	4.0	6.5	Trung bình
147	BK05388	13D2050075	Đình Văn	Hội	10.06.95	Nam Hà	13CD-Ô3	3.0	5.0	4.0	4.0	Không đạt
148	BK05537	13D2040014	Nguyễn Thị Ngọc	Hợp	21.03.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-M	5.0	5.0	5.0	5.0	Trung bình
149	BK05171	13D3010040	Nguyễn Ngọc	Huân	17.04.95	Khánh Hòa	13CD-ĐT2	7.0	8.0	8.0	7.5	Khá
150	BK05394	13D3010041	Nguyễn Minh	Hùng	08.05.94	Cần Giuộc, Long An	13CD-ĐT1	3.5	4.5	4.0	4.0	Không đạt
151	BK05040	12D2010067	Nguyễn Thanh	Hùng	19.02.93	Hòa Thành, Tây Ninh	13CD-CK1	6.0	5.0	4.0	5.5	Trung bình
152	BK05407	13D2010078	Trương Văn	Hùng	21.08.94	Thanh Hóa	13CD-CK1	2.0	4.0	0.0	2.0	Không đạt
153	BK05071	13D2010077	Nguyễn Phước	Hưng	05.05.94	Quế Sơn, Quảng Nam	13CD-CK3	6.0	7.5	5.0	6.0	Trung bình
154	BK05515	13D201P030	Phan Ngọc	Hưng	22.02.95	Bình Thuận	13CD-TP2	4.0	7.0	7.0	5.5	Trung bình
155	BK05019	12D201P030	Vòng Dị Vinh	Hưng	08.09.94	Hồng Kông	12CD-TP1	6.5	5.5	6.0	6.0	Trung bình
156	BK05202	13D2040015	Trương Thị Cẩm	Hướng	30.12.95	Trà Vinh	13CD-M	4.5	4.5	5.0	4.5	Không đạt
157	BK05500	13D201M081	Hồ Gia	Hưởng	14.03.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM1	6.0	5.0	8.0	6.5	Trung bình
158	BK05354	13D201P031	Lê Thanh	Hữu	10.09.95	Bến Tre	13CD-TP1	5.0	6.5	6.0	5.5	Trung bình
159	BK05389	13D2050081	Bùi Quang	Huy	28.12.95	Bến Tre	13CD-Ô1	4.0	5.0	4.0	4.5	Không đạt
160	BK05107	13D301Đ065	Đoàn Lê Xuân	Huy	13.05.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-Đ1	7.0	6.0	6.0	6.5	Trung bình
161	BK05487	11D0030051	Lê Đức	Huy	13.01.93		13CD-Ô3	7.0	7.0	6.0	7.0	Khá
162	BK05281	13D2050083	Lê Ngọc	Huy	05.04.92	TP. Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	7.0	5.0	8.0	7.0	Khá
163	BK05545	13D3010045	Lê Thành	Huy	25.04.95	TP.Tuy Hòa, Phú Yên	13CD-ĐT1	5.5	7.5	4.0	5.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
164	BK05282	13D2050084	Nguyễn Đức	Huy	03.10.95	Quảng Ngãi	13CD-Ô2	7.5	7.0	6.0	7.0	Khá
165	BK05234	13D2060071	Nguyễn Hoàng	Huy	04.11.95	Long An	13CD-NL1	5.5	6.5	8.0	6.5	Trung bình
166	BK05320	11D0050024	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	29.07.93		13CD-TM1	7.0	8.5	9.0	8.0	Giỏi
167	BK05417	13D2010079	Nguyễn Phát	Huy	25.05.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-CK2	2.5	3.5	5.0	3.5	Không đạt
168	BK05527	12D201P032	Nguyễn Triết	Huy	04.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-TP1	5.5	6.5	4.0	5.5	Trung bình
169	BK05259	13D2050086	Trần Hữu	Huy	18.03.95	Cần Thơ	13CD-Ô1	6.0	6.0	8.0	6.5	Trung bình
170	BK05283	13D2050088	Trịnh Tấn	Huy	15.05.95	Đắk Lắk	13CD-Ô2	7.0	7.0	6.0	7.0	Khá
171	BK05284	13D2050089	Võ Ngọc Hoàng	Huy	30.11.95	Tiền Giang	13CD-Ô2	7.5	7.0	7.0	7.5	Khá
172	BK05285	12D2050032	Vũ Đức	Huy	16.12.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	7.5	7.5	7.0	7.5	Khá
173	BK05172	13D3010049	Bùi Văn	Huỳnh	04.10.94	Bình Thuận	13CD-ĐT2	6.5	8.0	7.0	7.0	Khá
174	BK05072	13D2010283	Ngô Quý	Huỳnh	14.07.95	Định Quán, Đồng Nai	13CD-CK3	6.0	8.5	6.0	6.5	Trung bình
175	BK05321	13D201M025	Nguyễn Văn	Huỳnh	22.12.95	Quảng Ngãi	13CD-TM1	6.5	8.5	7.0	7.0	Khá
176	BK05090	13D2010081	Nguyễn Thành	Kha	26.05.95	Long An	13CD-CK4	6.5	7.5	4.0	6.0	Trung bình
177	BK05203	13D2040017	Phạm Hoàng Mộng	Kha	23.09.95	Long An	13CD-M	5.5	5.0	6.0	5.5	Trung bình
178	BK05041	13D2010082	Trần Quang	Khải	17.07.95	Đồng Nai	13CD-CK1	6.0	7.0	5.0	6.0	Trung bình
179	BK05322	13D201M027	Trịnh Hoàng	Khanh	28.03.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TM1	6.0	9.0	5.0	6.5	Trung bình
180	BK05395	13D3010051	Huỳnh Duy	Khánh	09.10.95	Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	2.0	3.5	4.0	3.0	Không đạt
181	BK05173	13D3010052	Nguyễn Quang	Khánh	09.11.95	Quảng Ngãi	13CD-ĐT2	7.0	8.5	6.0	7.0	Khá
182	BK05355	13D201P033	Trần Văn Duy	Khánh	24.11.95	Bến Tre	13CD-TP1	3.5	6.5	7.0	5.0	Trung bình
183	BK05139	13D3010053	Đỗ Đăng	Khoa	01.01.94	Hậu Giang	13CD-ĐT1	7.0	7.5	4.0	6.5	Trung bình
184	BK05091	13D2010086	Nguyễn Đan	Khoa	10.10.95	Kiên Giang	13CD-CK4	6.0	8.5	6.0	6.5	Trung bình
185	BK05060	13D2010087	Trần Ngọc	Khoa	30.09.93	Tánh Linh, Bình Thuận	13CD-CK2	6.0	9.0	5.0	6.5	Trung bình
186	BK05042	13D2010088	Trần Minh	Khôi	20.05.94	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-CK1	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
187	BK05235	13D2060023	Lại Văn	Khuong	20.02.95	Tuy Hòa, Phú Yên	13CD-NL1	2.5	6.0	6.0	4.5	Không đạt
188	BK05440	13D2010091	Nguyễn Sỹ	Kiên	07.01.95	Thanh Hóa	13CD-CK4	2.5	3.0	4.0	3.0	Không đạt
189	BK05140	13D3010056	Phan Trung	Kiên	13.03.95	Phú Yên	13CD-ĐT1	7.0	8.0	4.0	6.5	Trung bình
190	BK05362	13D201P038	Trần Đình Anh	Kiệt	17.06.95	Gia Lai	13CD-TP2	6.5	7.0	8.0	7.0	Khá
191	BK05363	13D201P040	Lâm Xuân	Ký	02.10.95	An Giang	13CD-TP2	5.5	6.5	5.0	5.5	Trung bình
192	BK05015	12D2060033	Hoàng Tiến	Kỳ	20.02.94	Bắc Giang	12CD-NL2	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
193	BK05428	13D2010095	Võ Quý	Kỳ	29.10.95	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CD-CK3	2.5	4.0	8.0	4.5	Không đạt
194	BK05323	13D201M029	Trần Minh	Lai	30.01.95	Bình Thuận	13CD-TM1	5.5	9.0	7.5	7.0	Khá
195	BK05174	13D3010061	Nguyễn Quang	Lành	20.07.94	Đắk Lắk	13CD-ĐT2	6.5	8.5	8.0	7.5	Khá
196	BK05505	13D201M030	Lâm Đức	Lễ	27.03.95	Tây Ninh	13CD-TM2	6.5	7.0	8.0	7.0	Khá
197	BK05204	13D2040060	Cao Thị Mỹ	Lệ	01.03.95	Quảng Ngãi	13CD-M	5.5	5.0	4.0	5.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
198	BK05501	13D201M031	Hoàng Ngọc	Linh	28.12.95	Bình Thuận	13CD-TM1	7.0	6.5	7.0	7.0	Khá
199	BK05205	13D2040061	Lê Hà	Linh	12.02.95	Long An	13CD-M	6.0	5.0	5.0	5.5	Trung bình
200	BK05236	13D2060025	Lê Hoàng	Linh	29.03.94	Long An	13CD-NL1	5.0	5.5	5.0	5.0	Trung bình
201	BK05418	13D2010099	Lương Tấn	Linh	27.02.95	Bến Lức, Long An	13CD-CK2	3.0	3.5	4.0	3.5	Không đạt
202	BK05429	13D2010100	Nguyễn Hoàng	Linh	09.12.95	Bình Định	13CD-CK3	3.0	3.5	4.0	3.5	Không đạt
203	BK05108	13D301Đ204	Nguyễn Khánh	Linh	24.04.95	Long An	13CD-Đ1	6.5	8.5	5.0	6.5	Trung bình
204	BK05488	13D2050099	Nguyễn Thanh	Linh	18.08.95	An Giang	13CD-Ô3	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
205	BK05462	13D301Đ075	Trần Ngọc	Linh	08.02.95	Tuy Phong, Bình Thuận	13CD-Đ3	6.0	6.5	6.0	6.0	Trung bình
206	BK05206	13D2040020	Nguyễn Thị Thanh	Loan	18.08.95	Gia Lai	13CD-M	7.0	6.5	7.0	7.0	Khá
207	BK05516	13D201P117	Lại Xuân	Lộc	06.03.93	Sông Bé	13CD-TP2	4.5	7.0	6.0	5.5	Trung bình
208	BK05364	13D201P118	Trần Bửu	Lộc	02.10.94	Bình Định	13CD-TP2	6.0	6.5	6.0	6.0	Trung bình
209	BK05336	13D201M032	Kiều Tấn	Lợi	18.01.95	Long An	13CD-TM2	5.0	5.0	8.0	6.0	Trung bình
210	BK05020	12D201P040	Triệu Đại	Lợi	16.07.94	Kiên Giang	12CD-TP1	6.5	5.0	6.0	6.0	Trung bình
211	BK05009	12D3010073	Võ Minh	Lợi	15.01.94	Quảng Ngãi	12CD-ĐT1	6.0	6.5	4.0	5.5	Trung bình
212	BK05130	13D301Đ079	Khương Trung	Long	22.11.95	Vĩnh Linh, Quảng Trị	13CD-Đ3	7.5	7.5	4.0	6.5	Trung bình
213	BK05061	13D2010107	Nghiêm Bảo	Long	28.08.95	Lâm Đồng	13CD-CK2	6.0	9.0	5.0	6.5	Trung bình
214	BK05324	13D201M094	Nguyễn Hoàng	Long	26.03.95	Long An	13CD-TM1	6.0	8.0	5.0	6.5	Trung bình
215	BK05473	13D2050108	Nguyễn Phi	Long	06.03.94	TP. Hồ Chí Minh	13CD-Ô1	5.0	6.5	7.0	6.0	Trung bình
216	BK05356	13D201P045	Phan Ngọc Bảo	Long	03.05.94	Bến Tre	13CD-TP1	3.5	6.5	6.0	5.0	Trung bình
217	BK05260	13D2050110	Trần Ngọc	Long	14.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô1	5.5	5.5	8.0	6.0	Trung bình
218	BK05325	13D201M035	Võ Minh	Luận	15.01.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TM1	5.5	5.0	7.0	6.0	Trung bình
219	BK05449	13D301Đ162	Đỗ Văn	Lượng	18.03.95	Bình Định	13CD-Đ1	5.0	6.0	5.0	5.5	Trung bình
220	BK05337	13D201M105	Huỳnh Thị	Lùy	24.01.95	Phú Yên	13CD-TM2	6.5	7.0	8.0	7.0	Khá
221	BK05450	13D301Đ081	Mai Đình	Luyện	05.02.92	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Đ1	6.5	6.5	4.0	6.0	Trung bình
222	BK05062	13D2010112	Nguyễn Hữu	Lý	20.11.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK2	6.0	9.0	5.0	6.5	Trung bình
223	BK05338	13D201M036	Hồ Văn	Mẫn	04.09.95	Cần Thơ	13CD-TM2	7.0	9.0	8.0	8.0	Giỏi
224	BK05237	13D2060029	Nguyễn Ngọc	Mạnh	17.12.95	Đồng Tháp	13CD-NL1	5.0	6.0	7.0	6.0	Trung bình
225	BK05073	13D2010115	Nguyễn Văn	Mạnh	10.12.95	Quảng Bình	13CD-CK3	6.0	8.5	5.0	6.5	Trung bình
226	BK05175	13D3010180	Nguyễn Viết	Mạnh	01.03.93	Vĩnh Phúc	13CD-ĐT2	7.0	7.5	7.0	7.0	Khá
227	BK05141	13D3010069	Nguyễn Công	Minh	10.01.95	Bình Lục, Nam Hà	13CD-ĐT1	6.5	7.5	4.0	6.0	Trung bình
228	BK05326	13D201M099	Nguyễn Hoàng	Minh	28.04.95	Vĩnh Phú	13CD-TM1	5.0	6.5	7.0	6.0	Trung bình
229	BK05339	13D201M091	Nguyễn Nhật	Minh	10.12.95	Đồng Nai	13CD-TM2	5.5	8.0	7.5	6.5	Trung bình
230	BK05016	12D2060045	Nguyễn Văn	Minh	07.09.94	Nam Định	12CD-NL2	6.5	6.0	4.0	6.0	Trung bình
231	BK05506	13D201M038	Ôn Nhật	Minh	21.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	6.5	7.0	7.0	7.0	Khá

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
232	BK05517	13D201P048	Phạm Trọng	Minh	03.04.90	Nghệ An	13CD-TP2	5.0	8.5	8.0	6.5	Trung bình
233	BK05004	12D301Đ083	Trần Kim	Minh	19.08.94	Bình Thuận	12CD-Đ2	4.0	4.0	6.0	4.5	Không đạt
234	BK05286	13D2050118	Vũ	Minh	31.07.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	7.0	8.0	7.0	7.5	Khá
235	BK05176	13D3010070	Trần Chí	Mỹ	16.06.93	Sông Bé	13CD-ĐT2	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
236	BK05261	13D2050266	Bùi Xuân	Nam	08.04.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CD-Ô1	6.0	5.0	6.5	6.0	Trung bình
237	BK05552	13D2050299	Đạo Đức	Nam	26.04.93	Ninh Thuận	13CD-Ô2	7.5	7.0	4.0	6.5	Trung bình
238	BK05371	13D2010122	Hoàng Sỹ	Nam	02.03.95	Quế Sơn, Quảng Nam	13CD-CK2	3.5	5.0	6.0	4.5	Không đạt
239	BK05177	13D3010071	Nguyễn Thành	Nam	11.06.94	Tiền Giang	13CD-ĐT2	7.0	9.0	4.0	7.0	Khá
240	BK05238	13D2060033	Phạm Nhật	Nam	13.02.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-NL1	4.0	6.5	4.0	4.5	Không đạt
241	BK05466	13D3010073	Trịnh Phương	Nam	21.02.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-ĐT1	5.0	5.5	7.0	5.5	Trung bình
242	BK05109	13D301Đ085	Võ Hoài	Nam	09.09.94	Long An	13CD-Đ1	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
243	BK05408	13D2010123	Ngô Văn	Năm	03.08.94	Tuy Phong, Bình Thuận	13CD-CK1	2.0	5.0	5.0	3.5	Không đạt
244	BK05013	12D2040017	Đỗ Văn	Nay	20.12.91	Trà Vinh	12CD-M	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
245	BK05117	13D301Đ086	Phạm Văn	Nghị	02.06.95	Tây Sơn, Bình Định	13CD-Đ2	7.0	7.5	5.0	6.5	Trung bình
246	BK05489	13D2050123	Hoàng Văn	Nghĩa	18.10.94	Thịệu Hóa, Thanh Hóa	13CD-Ô3	7.0	7.0	6.0	7.0	Khá
247	BK05178	13D3010074	Huỳnh Trọng	Nghĩa	20.07.95	Phú Yên	13CD-ĐT2	6.5	9.0	4.0	6.5	Trung bình
248	BK05287	13D2050124	Lê Đức	Nghĩa	15.07.95	Long An	13CD-Ô2	7.5	7.0	6.0	7.0	Khá
249	BK05301	13D2050125	Lê Hữu	Nghĩa	20.06.95	Tiền Giang	13CD-Ô3	4.5	6.5	5.0	5.0	Trung bình
250	BK05376	13D201M041	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	04.12.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TM1	5.0	4.0	5.0	5.0	Trung bình
251	BK05110	13D301Đ089	Nguyễn Hữu	Nghĩa	29.12.94	Tiền Giang	13CD-Đ1	7.0	6.0	5.0	6.5	Trung bình
252	BK05507	13D201M042	Phan Duy	Nghĩa	04.05.93	Quảng Nam	13CD-TM2	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
253	BK05479	13D2050281	Trần Trọng	Nghĩa	12.08.95	Đức Trọng, Lâm Đồng	13CD-Ô2	3.5	6.0	6.0	5.0	Trung bình
254	BK05092	13D2010126	Võ Thành	Nghĩa	17.06.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK4	6.5	8.5	5.0	6.5	Trung bình
255	BK05207	13D2040027	Phan Thị Ánh	Ngọc	21.05.95	Phú Yên	13CD-M	4.5	5.0	5.0	5.0	Trung bình
256	BK05419	13D2010127	Nguyễn Xuân	Nguyên	02.12.95	Bình Định	13CD-CK2	2.5	4.0	4.0	3.5	Không đạt
257	BK05420	13D2010129	Phạm Văn	Nguyên	20.11.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CD-CK2	2.5	4.0	4.0	3.5	Không đạt
258	BK05457	13D301Đ198	Hoàng Chí	Nguyện	11.06.95	Năm Căn, Cà Mau	13CD-Đ2	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
259	BK05022	12D201P045	Lê Song Trang	Nhã	01.06.94	Quảng Ngãi	12CD-TP1	6.0	8.0	5.0	6.5	Trung bình
260	BK05142	13D3010077	Lâm Trọng	Nhân	04.09.95	Chợ Lách, Bến Tre	13CD-ĐT1	6.5	7.0	4.0	6.0	Trung bình
261	BK05340	13D201M044	Nguyễn Trọng	Nhân	21.09.95	Long An	13CD-TM2	5.0	8.0	7.5	6.5	Trung bình
262	BK05179	13D3010078	Võ Phước	Nhân	12.05.95	Bến Tre	13CD-ĐT2	5.5	7.0	5.0	6.0	Trung bình
263	BK05005	12D301Đ096	Huỳnh Hữu	Nhất	19.07.94	Bình Định	12CD-Đ2	4.0	3.5	5.0	4.0	Không đạt
264	BK05365	13D201P053	Nguyễn	Nhật	21.09.93	Đồng Nai	13CD-TP2	6.0	6.5	7.0	6.5	Trung bình
265	BK05518	13D201P055	Phan Minh	Nhật	24.06.95	Đắk Lắk	13CD-TP2	4.0	7.5	8.0	6.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
266	BK05383	13D201M088	Trần Mạnh	Nhi	03.09.95	Đồng Nai	13CD-TM1	4.5	3.5	5.0	4.5	Không đạt
267	BK05327	13D201M045	Lê Hữu	Nhơn	15.01.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TM1	6.0	9.5	7.0	7.0	Khá
268	BK05208	13D2040065	Mai Thị Huýnh	Như	01.08.95	Long An	13CD-M	6.0	6.0	4.0	5.5	Trung bình
269	BK05209	13D2040030	Lê Thị	Nhung	08.10.95	Thanh Hóa	13CD-M	6.0	7.0	5.0	6.0	Trung bình
270	BK05210	13D2040031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04.06.95	Lâm Đồng	13CD-M	6.0	5.5	6.0	6.0	Trung bình
271	BK05302	13D2050140	Lê Văn	Nhường	26.12.95	Quảng Ngãi	13CD-Ô3	4.5	6.5	4.5	5.0	Trung bình
272	BK05143	13D3010079	Hồ Đình	Nhựt	07.02.95	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	6.5	8.0	4.0	6.5	Trung bình
273	BK05421	13D2010139	Đặng Nguyễn Hoài	Ninh	08.12.95	Cam Ranh, Khánh Hòa	13CD-CK2	3.5	3.5	6.0	4.0	Không đạt
274	BK05508	13D201M046	Nguyễn Đoàn Thanh	Pháp	28.06.95	Bình Định	13CD-TM2	7.0	7.0	6.0	7.0	Khá
275	BK05180	13D3010081	Huýnh Tân	Phát	20.02.95	Ninh Thuận	13CD-ĐT2	5.5	8.0	5.0	6.0	Trung bình
276	BK05430	13D2010140	Lê Quang	Phát	04.06.94	Đồng Nai	13CD-CK3	3.0	4.5	4.0	4.0	Không đạt
277	BK05502	13D201M047	Lê Văn	Phát	19.10.95	An Giang	13CD-TM1	6.5	7.0	7.0	7.0	Khá
278	BK05451	13D301Đ097	Nguyễn Thành	Phát	23.10.95	Quảng Ngãi	13CD-Đ1	6.0	6.5	6.0	6.0	Trung bình
279	BK05239	13D2060039	Lê Hồng	Phi	27.07.93	Tuy Hòa, Phú Yên	13CD-NL1	4.0	6.0	4.0	4.5	Không đạt
280	BK05543	13D2050144	Lê Quang	Phi	18.10.95	Bình Thuận	13CD-Ô2	6.0	7.0	4.0	6.0	Trung bình
281	BK05118	13D301Đ098	Hồ Sỹ	Phong	06.04.94	Bình Long, Sông Bé	13CD-Đ2	7.0	7.5	4.0	6.5	Trung bình
282	BK05044	13D2010143	Nguyễn Văn	Phong	01.06.95	Trảng Bàng, Tây Ninh	13CD-CK1	6.5	7.0	4.0	6.0	Trung bình
283	BK05431	13D2010145	Phạm Huýnh Nga	Phong	06.10.94	Long An	13CD-CK3	2.5	6.0	5.0	4.0	Không đạt
284	BK05181	13D3010084	Võ Trần Vũ	Phong	23.10.95	Long An	13CD-ĐT2	5.0	7.5	6.0	6.0	Trung bình
285	BK05422	13D2010147	Hán Văn	Phú	20.11.94	Ninh Phước, Ninh Thuận	13CD-CK2	2.5	3.5	5.0	3.5	Không đạt
286	BK05390	13D2050147	Nguyễn Dương Hoàng	Phúc	14.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	4.0	4.0	5.0	4.5	Không đạt
287	BK05045	13D2010153	Nguyễn Hoàng	Phúc	04.10.94	Cần Đước, Long An	13CD-CK1	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
288	BK05063	13D2010154	Nguyễn Thanh	Phúc	12.10.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CD-CK2	6.5	9.0	7.0	7.5	Khá
289	BK05240	13D2060041	Nguyễn Văn	Phúc	07.11.95	Lý Sơn, Quảng Ngãi	13CD-NL1	4.0	5.5	7.0	5.0	Trung bình
290	BK05182	13D3010181	Trần Đức	Phúc	02.02.94	Đồng Nai	13CD-ĐT2	6.0	8.5	5.0	6.5	Trung bình
291	BK05144	13D3010091	Võ Thế	Phúc	18.03.95	Lâm Đồng	13CD-ĐT1	7.0	8.5	4.0	6.5	Trung bình
292	BK05183	13D3010162	Võ Trường	Phúc	08.09.95	Gò Công	13CD-ĐT2	6.5	7.5	7.0	7.0	Khá
293	BK05093	13D2010156	Trương Hoàng	Phục	11.06.95	Long An	13CD-CK4	6.0	9.0	5.0	6.5	Trung bình
294	BK05341	13D201M050	Đặng Minh	Phụng	05.09.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-TM2	4.5	8.0	5.0	5.5	Trung bình
295	BK05064	13D2010157	Đỗ Hữu	Phước	17.09.94	Bình Dương	13CD-CK2	6.5	8.5	8.0	7.5	Khá
296	BK05262	13D2050151	Mai Hữu	Phước	29.12.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô1	5.5	6.5	6.5	6.0	Trung bình
297	BK05184	13D3010093	Nguyễn Đại	Phước	15.03.95	Tây Ninh	13CD-ĐT2	7.5	7.5	8.0	7.5	Khá
298	BK05119	13D301Đ106	Trần Hữu	Phước	19.06.95	Long Hải, BR-VT	13CD-Đ2	7.0	8.0	5.0	7.0	Khá
299	BK05480	13D2050152	Trần Văn	Phước	13.09.95	Đắk Lắk	13CD-Ô2	3.0	5.0	6.0	4.5	Không đạt

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
300	BK05211	13D2040033	Cao Thị Ngọc	Phương	28.05.95	Bình Định	13CĐ-M	5.5	5.5	6.0	5.5	Trung bình
301	BK05467	13D3010096	Hoàng Minh	Phương	14.09.93	Bình Phước	13CĐ-ĐT2	5.5	5.0	5.0	5.5	Trung bình
302	BK05074	13D2010160	Lê Minh	Phương	01.12.95	Tiền Giang	13CĐ-CK3	5.5	8.5	4.0	6.0	Trung bình
303	BK05288	13D2050282	Nguyễn Mạnh	Phương	20.08.94	Tây Ninh	13CĐ-Ô2	7.5	6.5	7.0	7.0	Khá
304	BK05145	13D3010098	Nguyễn Minh	Phương	20.03.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-ĐT1	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
305	BK05241	13D2060043	Đặng Vinh	Quan	16.02.95	Long An	13CĐ-NL1	4.0	5.5	5.0	4.5	Không đạt
306	BK05490	13D2050155	Lê Văn	Quân	10.10.95	Bến Tre	13CĐ-Ô3	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
307	BK05536	12D2060054	Lương Thế	Quân	05.12.93	Bình Định	12CĐ-NL1	4.0	6.5	0.0	3.5	Không đạt
308	BK05391	13D2050156	Nguyễn Hoàng	Quân	25.12.95	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-Ô1	4.0	3.5	4.0	4.0	Không đạt
309	BK05075	13D2010162	Trần	Quân	10.05.95	Tây Sơn, Bình Định	13CĐ-CK3	6.5	8.5	5.0	6.5	Trung bình
310	BK05548	12D201P054	Đặng Minh	Quang	20.11.91	Ninh Thuận	12CĐ-TP1	5.0	5.0	5.0	5.0	Trung bình
311	BK05023	12D201P055	Trần Hữu	Quang	10.07.93	Đồng Nai	12CĐ-TP1	6.5	8.0	5.0	6.5	Trung bình
312	BK05538	13D2050158	Đặng Anh	Qui	18.08.94	Ba Tri, Bến Tre	13CĐ-Ô3	5.0	7.0	4.0	5.5	Trung bình
313	BK05481	13D2050159	Nguyễn Đức	Quí	14.02.94	Tây Ninh	13CĐ-Ô2	3.5	5.5	4.0	4.0	Không đạt
314	BK05458	13D301Đ110	Đỗ Đăng	Quốc	19.01.95	Kom Tum	13CĐ-Đ2	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
315	BK05076	13D2010167	Nguyễn Thành	Quý	14.10.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-CK3	5.5	7.5	5.0	6.0	Trung bình
316	BK05396	13D3010100	Phạm Duy	Quý	23.02.95	Lâm Đồng	13CĐ-ĐT2	3.0	4.0	4.0	3.5	Không đạt
317	BK05263	13D2050161	Trần	Quý	21.07.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CĐ-Ô1	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình
318	BK05146	13D3010101	Vòng Đông	Quý	09.02.94	Đồng Nai	13CĐ-ĐT1	6.0	7.5	4.0	6.0	Trung bình
319	BK05242	13D2060047	Võ Thành	Quyên	11.04.94	An Nhơn, Bình Định	13CĐ-NL1	4.5	5.5	4.0	4.5	Không đạt
320	BK05433	13D2010170	Cáp Minh	Quyên	20.02.95	Bình Định	13CĐ-CK3	3.0	3.5	8.0	4.5	Không đạt
321	BK05185	13D3010182	Lê Thanh	Quyên	13.05.95	Cái Bè, Tiền Giang	13CĐ-ĐT2	7.5	8.5	7.0	7.5	Khá
322	BK05303	13D2050163	Nguyễn Hồng	Sang	22.07.95	Long An	13CĐ-Ô3	4.5	5.5	8.0	5.5	Trung bình
323	BK05065	13D2010174	Nguyễn Thanh	Sang	26.01.95	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CĐ-CK2	6.0	8.5	6.0	6.5	Trung bình
324	BK05289	13D2050164	Phan Văn	Sang	28.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CĐ-Ô2	7.5	7.5	6.0	7.0	Khá
325	BK05409	13D2010173	Nguyễn	Sáng	29.07.94	Tuy Phong, Bình Thuận	13CĐ-CK1	3.0	5.0	5.0	4.0	Không đạt
326	BK05434	13D2010175	Đoàn	Sĩ	11.11.94	Xuân Lộc, Đồng Nai	13CĐ-CK3	3.0	5.0	5.0	4.0	Không đạt
327	BK05243	13D2060049	Đỗ Ngọc	Sịn	04.02.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CĐ-NL1	5.5	5.5	5.0	5.5	Trung bình
328	BK05264	13D2050166	Huỳnh Văn	Sinh	12.11.95	Phú Quý, Bình Thuận	13CĐ-Ô1	6.0	7.0	5.0	6.0	Trung bình
329	BK05482	13D2050283	Bùi Ngọc	Sơn	19.09.94	Đắk Lắk	13CĐ-Ô2	3.5	5.5	4.0	4.0	Không đạt
330	BK05483	13D2050167	Lê Hồng	Sơn	02.05.93	Tiền Giang	13CĐ-Ô2	2.5	3.5	4.0	3.0	Không đạt
331	BK05006	12D301Đ116	Nguyễn Văn	Sơn	30.01.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ2	4.0	4.0	4.0	4.0	Không đạt
332	BK05077	13D2010177	Trần Đình	Sơn	10.04.95	Bình Định	13CĐ-CK3	5.5	7.5	5.0	6.0	Trung bình
333	BK05519	13D201P070	Trần Văn	Sơn	15.02.95	An Giang	13CĐ-TP2	4.5	7.0	7.0	6.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
334	BK05534	13D201M083	Mai Thanh	Song	05.08.95	Bình Thuận	13CD-TM2	6.5	8.0	4.0	6.5	Trung bình
335	BK05147	13D3010107	Ngô Văn	Tạc	26.01.95	Xuân Trường, Nam Định	13CD-ĐT1	6.0	6.0	4.0	5.5	Trung bình
336	BK05010	11D0060156	Đình Thành	Tài	01.04.91	Mình Hải	12CD-ĐT1	6.0	7.0	6.0	6.5	Trung bình
337	BK05342	13D201M054	Huỳnh Văn	Tài	05.04.94	Đồng Tháp	13CD-TM2	5.0	7.5	6.0	6.0	Trung bình
338	BK05131	13D301Đ119	Lưu Đức	Tài	01.08.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Đ3	7.0	7.5	7.0	7.0	Khá
339	BK05148	13D3010110	Phan Chí	Tài	15.02.95	Sa Đéc, Đồng Tháp	13CD-ĐT1	6.5	7.5	4.0	6.0	Trung bình
340	BK05401	12D2010136	Tăng Đức	Tài	05.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-CK1	3.5	4.0	6.0	4.5	Không đạt
341	BK05524	13D2050170	Trần Ngọc	Tài	03.09.93	Ninh Thuận	13CD-Ô3	5.5	7.0	5.0	6.0	Trung bình
342	BK05343	13D201M082	Nguyễn Minh	Tâm	04.07.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	5.0	6.5	7.0	6.0	Trung bình
343	BK05265	13D2050171	Nguyễn Minh	Tâm	05.05.94	TP.Hồ Chí Minh □	13CD-Ô1	6.0	6.5	8.5	7.0	Khá
344	BK05531	13D2010181	Nguyễn Thanh	Tâm	06.11.94	Long An	13CD-CK4	6.5	6.5	4.0	6.0	Trung bình
345	BK05186	13D3010112	Nguyễn Thành	Tâm	12.04.95	Long An	13CD-ĐT2	6.0	8.5	5.0	6.5	Trung bình
346	BK05459	13D301Đ122	Nguyễn Thành	Tâm	18.07.95	Thuận An, Sông Bé	13CD-Đ2	6.5	6.0	4.0	6.0	Trung bình
347	BK05078	13D2010182	Phạm Minh	Tâm	05.09.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-CK3	6.0	7.5	6.0	6.5	Trung bình
348	BK05357	13D201P109	Phan Thị	Tâm	01.06.95	Hà Tĩnh	13CD-TP1	4.0	7.0	6.0	5.5	Trung bình
349	BK05111	13D301Đ124	Cao Nguyễn Nhật	Tân	02.12.95	Bến Tre	13CD-Đ1	7.0	6.5	6.0	6.5	Trung bình
350	BK05007	12D301Đ120	Đỗ Như	Tân	27.05.92	ĐăkLăk	12CD-Đ2	5.5	5.0	5.0	5.5	Trung bình
351	BK05120	13D301Đ125	Nguyễn Minh	Tân	05.11.95	Châu Thành, Tiền Giang	13CD-Đ2	7.0	7.0	5.0	6.5	Trung bình
352	BK05187	13D3010115	Nguyễn Minh	Tân	11.12.95	Đăk Lăk	13CD-ĐT2	7.0	8.5	5.0	7.0	Khá
353	BK05328	13D201M057	Nguyễn Minh	Tân	29.03.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TM1	6.5	9.5	8.0	7.5	Khá
354	BK05442	13D2010288	Nguyễn Quý	Tân	24.04.95	Đồng Tháp	13CD-CK4	2.5	3.0	8.0	4.0	Không đạt
355	BK05094	13D2010289	Nguyễn Văn	Tây	21.05.93	Hoài Nhơn, Bình Định	13CD-CK4	6.0	9.0	6.0	7.0	Khá
356	BK05372	13D2010186	Nguyễn Văn	Thạch	07.03.95	Đồng Nai	13CD-CK4	2.5	3.0	5.0	3.5	Không đạt
357	BK05079	13D2010187	Lê Quang	Thái	18.03.95	Bến Tre	13CD-CK3	6.0	8.5	6.0	6.5	Trung bình
358	BK05385	13D201M109	Phạm Hữu	Thận	15.05.95	Bình Định	13CD-TM1	3.0	4.0	4.0	3.5	Không đạt
359	BK05095	13D2010294	Tôn Đức	Thăng	03.10.94	Hà Tĩnh	13CD-CK4	6.0	9.0	6.0	7.0	Khá
360	BK05046	13D2010188	Dương Hải	Thắng	10.06.94	Cư M'gar, Đăk Lăk	13CD-CK1	6.5	6.0	5.0	6.0	Trung bình
361	BK05066	13D2010219	Huỳnh Quang	Thắng	06.06.95	Đức Phổ, Quảng Ngãi	13CD-CK2	6.0	8.0	5.0	6.5	Trung bình
362	BK05149	13D3010117	Lê Chí Hoàng	Thắng	18.04.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-ĐT1	7.0	8.0	7.0	7.5	Khá
363	BK05511	13D201P075	Lê Đình	Thắng	08.10.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TP1	6.0	7.0	9.0	7.0	Khá
364	BK05290	13D2050178	Lưu Công	Thắng	22.07.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CD-Ô2	8.0	7.0	7.0	7.5	Khá
365	BK05188	13D3010118	Nguyễn Công	Thắng	11.03.94	Sông Bé	13CD-ĐT2	7.0	8.5	4.0	6.5	Trung bình
366	BK05112	13D301Đ130	Nguyễn Việt	Thắng	07.03.95	Tiền Giang	13CD-Đ1	6.5	6.5	5.0	6.0	Trung bình
367	BK05435	13D2010190	Phạm Văn	Thắng	27.07.94	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-CK3	2.5	4.0	5.0	3.5	Không đạt

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
368	BK05266	13D2050181	Trần Việt	Thắng	02.01.94	Trảng Bàng, Tây Ninh	13CD-Ô1	6.5	4.5	4.5	5.5	Trung bình
369	BK05304	13D2050185	Lê Hoài	Thanh	06.07.95	Quảng Ngãi	13CD-Ô3	4.0	6.0	6.0	5.0	Trung bình
370	BK05549	13D2050188	Nguyễn Hoài	Thanh	25.01.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	5.5	7.5	4.0	5.5	Trung bình
371	BK05080	13D2010195	Nguyễn Văn Chí	Thanh	21.03.95	Tiền Giang	13CD-CK3	6.0	9.0	6.0	7.0	Khá
372	BK05132	13D301Đ135	Phan Duy	Thanh	07.03.95	Long An	13CD-Đ3	7.5	7.5	5.0	7.0	Khá
373	BK05443	13D2010196	Phùng Hữu	Thanh	27.10.95	Bình Phước	13CD-CK4	2.5	3.5	4.0	3.0	Không đạt
374	BK05470	13D2040037	Trần Đăng Bích	Thanh	01.01.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-M	6.5	3.5	4.0	5.0	Trung bình
375	BK05452	13D301Đ136	Trần Minh	Thanh	07.07.95	Lý Sơn - Quảng Ngãi	13CD-Đ1	6.5	6.0	7.0	6.5	Trung bình
376	BK05436	13D2010198	Trương Nhật	Thanh	05.06.95	Tiền Giang	13CD-CK3	3.0	3.0	5.0	3.5	Không đạt
377	BK05150	13D3010120	Bùi Văn	Thành	08.09.93	Cư Jút, Đắk Nông	13CD-ĐT1	6.5	7.5	4.0	6.0	Trung bình
378	BK05468	13D3010121	Đặng Xuân	Thành	16.02.95	Bình Định	13CD-ĐT2	4.5	5.5	6.0	5.0	Trung bình
379	BK05244	13D2060053	Hồ Tấn	Thành	11.04.95	An Nhơn, Bình Định	13CD-NL1	5.5	5.5	5.0	5.5	Trung bình
380	BK05509	13D201M058	Mai Công	Thành	20.12.95	Khánh Hòa	13CD-TM2	7.0	7.0	4.0	6.5	Trung bình
381	BK05539	13D2050189	Nguyễn Hữu	Thành	18.04.95	Bình Định	13CD-Ô2	5.0	7.0	4.0	5.5	Trung bình
382	BK05460	13D301Đ134	Nguyễn Lê Trung	Thành	27.02.95	Bến Tre	13CD-Đ2	6.0	6.0	6.0	6.0	Trung bình
383	BK05491	13D2050190	Nguyễn Tấn	Thành	03.03.94	Bình Thuận	13CD-Ô3	6.0	6.0	6.0	6.0	Trung bình
384	BK05410	13D2010193	Nguyễn Tấn	Thành	12.01.95	Đức Huệ, Long An	13CD-CK1	3.0	4.5	5.0	4.0	Không đạt
385	BK05121	13D301Đ137	Trần Phúc	Thạnh	12.08.95	Tuy Phước, Bình Định	13CD-Đ2	6.5	7.0	4.0	6.0	Trung bình
386	BK05358	13D201P077	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	06.02.95	Bình Thuận	13CD-TP1	6.0	7.5	7.0	6.5	Trung bình
387	BK05151	13D3010122	Nguyễn Thạch	Thảo	08.08.95	Bù Đăng, Bình Phước	13CD-ĐT1	6.5	9.0	5.0	7.0	Khá
388	BK05453	13D301Đ169	Nguyễn Thanh	Thảo	20.07.94	Lâm Đồng	13CD-Đ1	4.0	4.5	5.0	4.5	Không đạt
389	BK05212	13D2040039	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	13.11.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-M	5.0	7.0	7.0	6.0	Trung bình
390	BK05526	13D2050277	Trần Thanh	Thảo	10.10.93	Phú Yên	13CD-Ô3	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình
391	BK05213	13D2040041	Vương Hào	Thảo	18.11.94	Bình Định	13CD-M	5.0	6.5	4.0	5.0	Trung bình
392	BK05152	13D3010123	Phạm Văn	Thế	20.09.95	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	6.0	9.0	4.0	6.5	Trung bình
393	BK05366	13D201P078	Nguyễn Trường	Thị	12.10.95	Bình Định	13CD-TP2	4.0	6.0	5.0	5.0	Trung bình
394	BK05067	13D2010199	Đinh Xuân	Thiện	06.08.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-CK2	6.5	8.5	4.0	6.5	Trung bình
395	BK05437	13D2010200	Nguyễn	Thiện	06.08.95	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	13CD-CK3	3.0	3.5	5.0	3.5	Không đạt
396	BK05529	13D201M060	Nguyễn Trung	Thiện	02.03.95	Bình Dương	13CD-TM2	5.5	7.0	5.0	6.0	Trung bình
397	BK05122	13D301Đ140	Phạm Hoàng	Thiện	06.11.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Đ2	7.0	8.0	5.0	7.0	Khá
398	BK05520	13D201P114	Trần Minh	Thiện	30.09.95	Long An	13CD-TP2	3.5	7.5	8.0	5.5	Trung bình
399	BK05367	13D201P123	Trần Xuân	Thiện	08.04.94	Bình Thuận	13CD-TP2	6.0	6.0	6.0	6.0	Trung bình
400	BK05081	13D2010268	Võ Hoàng	Thiện	21.07.95	Sông Bé	13CD-CK3	6.0	8.0	5.0	6.5	Trung bình
401	BK05438	13D2010202	Lê Đình	Thịnh	02.08.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-CK3	4.0	3.0	7.0	4.5	Không đạt

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
402	BK05153	13D3010125	Nguyễn Ngọc Huy	Thịnh	09.05.93	TP. Hồ Chí Minh	13CD-ĐT1	7.0	9.0	9.0	8.0	Giỏi
403	BK05344	13D201M062	Nguyễn Tấn	Thịnh	20.03.95	Quảng Ngãi	13CD-TM2	4.5	7.0	5.0	5.5	Trung bình
404	BK05423	13D2010204	Phạm Công	Thịnh	05.10.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-CK2	2.5	3.0	5.0	3.5	Không đạt
405	BK05510	13D201M064	Lê Trường	Thọ	07.04.95	Bình Định	13CD-TM2	6.5	7.0	6.0	6.5	Trung bình
406	BK05484	13D2050198	Nguyễn Xuân	Thọ	13.06.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-Ô2	3.5	5.0	5.0	4.5	Không đạt
407	BK05082	13D2010205	Phạm Tấn	Thọ	20.12.95	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	13CD-CK3	6.5	8.0	5.0	6.5	Trung bình
408	BK05291	13D2050199	Nguyễn Ngọc	Thoại	07.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	7.5	7.0	8.0	7.5	Khá
409	BK05444	13D2010206	Nguyễn Quang	Thơm	20.08.94	Bình Định	13CD-CK4	6.0	7.5	4.0	6.0	Trung bình
410	BK05492	13D2050202	Đỗ Thị Cẩm	Thu	09.04.95	Long An	13CD-Ô3	6.0	4.0	7.0	6.0	Trung bình
411	BK05214	13D2040043	Trần Thị Lệ	Thu	08.05.94	Bình Thuận	13CD-M	5.5	5.0	6.0	5.5	Trung bình
412	BK05215	13D2040042	Lê Thị Mai	Thư	20.08.95	Bến Tre	13CD-M	5.0	3.5	6.0	5.0	Trung bình
413	BK05463	13D301Đ144	Lê Văn	Thuần	20.06.95	Lê Thủy, Quảng Bình	13CD-Đ3	5.5	5.0	7.0	6.0	Trung bình
414	BK05378	13D201M067	Ngô Minh	Thuận	09.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM1	4.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt
415	BK05083	13D2010265	Nguyễn Duy	Thuận	26.06.95	Bến Tre	13CD-CK3	6.5	9.0	6.0	7.0	Khá
416	BK05189	13D3010127	Nguyễn Ngọc	Thuận	31.01.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-ĐT2	7.0	8.5	8.0	7.5	Khá
417	BK05359	13D201P083	Nguyễn Văn	Thuận	01.06.94	Long An	13CD-TP1	5.5	8.0	6.0	6.5	Trung bình
418	BK05411	13D2010211	Nguyễn Văn	Thuận	12.09.94	Tân Hồng, Đồng Tháp	13CD-CK1	4.5	3.5	5.0	4.5	Không đạt
419	BK05123	13D301Đ146	Nguyễn Văn	Thuận	12.08.95	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-Đ2	6.5	8.0	7.0	7.0	Khá
420	BK05154	13D3010128	Vũ Duy	Thuận	12.03.93	Tân Hiệp, Kiên Giang	13CD-ĐT1	6.0	9.0	4.0	6.5	Trung bình
421	BK05155	13D3010129	Ngô Công	Thuật	09.06.94	Krông Bông, Đắk Lắk	13CD-ĐT1	6.0	9.0	4.0	6.5	Trung bình
422	BK05493	13D2050205	Nguyễn Thành	Thức	24.03.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô3	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình
423	BK05485	13D2050206	Thượng Công	Thức	01.01.95	Bến Tre	13CD-Ô2	3.0	5.0	5.0	4.0	Không đạt
424	BK05245	13D2060055	Lê Song	Thương	08.03.95	Tánh Linh, Bình Thuận	13CD-NL1	5.0	6.0	6.0	5.5	Trung bình
425	BK05292	13D2050209	Trần Văn	Thương	27.09.95	Bình Thuận	13CD-Ô2	7.5	7.0	6.0	7.0	Khá
426	BK05190	13D3010130	Huỳnh Văn	Thưởng	08.08.95	Tiền Giang	13CD-ĐT2	6.5	8.0	8.0	7.5	Khá
427	BK05412	13D2010213	Phạm Văn	Thủy	12.01.95	Long Hà, Bình Phước	13CD-CK1	3.0	1.0	4.0	3.0	Không đạt
428	BK05216	13D2040046	Lưu Thị Thủy	Tiên	18.10.95	Long An	13CD-M	4.0	7.0	4.0	5.0	Trung bình
429	BK05156	13D3010131	Nguyễn Duy	Tiên	02.01.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	6.0	8.5	4.0	6.0	Trung bình
430	BK05047	13D2010218	Nguyễn Xuân	Tiên	15.02.95	Xuân Lộc Đồng Nai	13CD-CK1	7.0	8.0	6.0	7.0	Khá
431	BK05345	13D201M068	Nguyễn Minh	Tiến	20.09.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	5.5	7.5	7.0	6.5	Trung bình
432	BK05267	13D2050211	Phạm Minh	Tiến	01.01.95	Cần Đức, Long An	13CD-Ô1	6.5	4.0	5.0	5.5	Trung bình
433	BK05305	13D2050212	Phạm Minh	Tiến	17.01.95	Tiền Giang	13CD-Ô3	5.0	6.5	4.0	5.0	Trung bình
434	BK05521	13D201P087	Trần Minh	Tiến	27.02.95	Tây Ninh	13CD-TP2	3.5	7.5	6.0	5.0	Trung bình
435	BK05494	13D2050213	Trịnh Văn	Tiến	06.11.94	Thịệu Hóa, Thanh Hóa	13CD-Ô3	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
436	BK05413	13D2010223	Nguyễn Trọng	Tín	15.12.95	Tiền Giang	13CD-CK1	2.5	3.0	6.0	3.5	<i>Không đạt</i>
437	BK05191	13D3010133	Nguyễn Trung	Tín	10.05.95	Đồng Nai	13CD-ĐT2	6.0	7.0	6.0	6.5	Trung bình
438	BK05068	13D2010224	Trần Chánh	Tín	06.04.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CD-CK2	6.5	8.5	4.0	6.5	Trung bình
439	BK05268	13D2050216	Lương Văn	Tinh	01.01.95	Tành Linh, Bình Thuận	13CD-Ô1	6.5	6.5	5.0	6.0	Trung bình
440	BK05306	13D2050217	Nguyễn Đạo	Tinh	06.11.95	Quảng Trị	13CD-Ô3	5.0	6.0	7.0	6.0	Trung bình
441	BK05157	13D3010134	Đào Hữu	Toàn	18.11.95	Kom Tum	13CD-ĐT1	5.5	8.5	6.0	6.5	Trung bình
442	BK05346	13D201M090	Đỗ Khánh	Toàn	10.08.95	Nam Hà	13CD-TM2	5.0	6.5	7.0	6.0	Trung bình
443	BK05347	13D201M103	Lê Phú	Toàn	03.05.95	Ninh Thuận	13CD-TM2	5.0	7.5	7.0	6.0	Trung bình
444	BK05495	13D2050285	Nguyễn Mạnh	Toàn	09.01.95	Đăk Lăk	13CD-Ô3	6.5	7.0	5.0	6.5	<i>Trung bình</i>
445	BK05158	13D3010135	Nguyễn Minh	Toàn	30.09.95	Phù Mỹ, Bình Định	13CD-ĐT1	5.5	8.5	4.0	6.0	Trung bình
446	BK05293	13D2050219	Nguyễn Văn	Toàn	09.11.95	Bình Định	13CD-Ô2	5.5	5.5	6.0	5.5	Trung bình
447	BK05307	13D2050220	Phan Anh	Toàn	06.09.94	Đăk Lăk	13CD-Ô3	5.0	8.5	5.0	6.0	Trung bình
448	BK05097	13D2010226	Trần Minh	Toàn	28.08.94	Long An	13CD-CK4	5.5	7.5	5.0	6.0	Trung bình
449	BK05369	13D3010137	Phan Tấn	Tối	19.05.95	Long An	13CD-ĐT1	5.0	3.5	7.0	5.0	Trung bình
450	BK05159	13D3010138	Lê Quang	Trãi	15.01.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	6.5	8.5	7.0	7.0	Khá
451	BK05217	13D2040047	Lý Mỹ	Trâm	09.09.95	Đồng Nai	13CD-M	5.0	7.5	6.0	6.0	Trung bình
452	BK05218	13D2040049	Trần Bảo	Trân	19.10.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-M	5.0	5.0	6.0	5.5	Trung bình
453	BK05219	13D2040050	Lý Ngọc	Trang	18.12.95	Đồng Nai	13CD-M	5.0	5.0	5.0	5.0	Trung bình
454	BK05192	13D3010174	Trần Quốc	Trạng	10.03.95	Hoài Nhơn, Bình Định	13CD-ĐT2	6.0	7.0	6.0	6.5	Trung bình
455	BK05048	13D2010227	Nguyễn Văn	Trao	24.06.94	Ninh Hải, Ninh Thuận	13CD-CK1	6.5	5.5	5.0	6.0	Trung bình
456	BK05049	13D2010228	Đỗ Thượng	Trí	26.11.94	Phù Mỹ, Bình Định	13CD-CK1	6.5	5.5	5.0	6.0	Trung bình
457	BK05424	13D2010229	Lê Minh	Trí	09.07.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK2	2.5	3.5	5.0	3.5	<i>Không đạt</i>
458	BK05269	12D2050084	Nguyễn Minh	Trí	01.09.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô1	6.0	5.5	8.5	6.5	Trung bình
459	BK05496	13D2050222	Nguyễn Thành	Trí	24.03.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô3	7.5	7.0	6.0	7.0	Khá
460	BK05098	13D2010231	Trịnh Minh	Trí	30.01.95	Bến Tre	13CD-CK4	6.0	5.5	6.0	6.0	Trung bình
461	BK05548	13D301Đ154	Võ Đức	Trí	17.08.95	Bến Tre	13CD-Đ1	4.0	7.0	4.0	5.0	<i>Trung bình</i>
462	BK05124	13D301Đ155	Hồ Huỳnh	Triệu	27.10.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-Đ2	7.0	8.0	7.0	7.5	Khá
463	BK05542	13D2010232	Nguyễn Ngọc	Triệu	16.06.95	Phù Cát, Bình Định	13CD-CK4	5.5	7.0	4.0	5.5	<i>Trung bình</i>
464	BK05294	13D2050224	Nguyễn Quốc	Triệu	02.08.94	Tây Ninh	13CD-Ô2	6.0	7.0	6.0	6.5	Trung bình
465	BK05220	13D2040051	Tạ Thị Tuyết	Trinh	03.02.95	Phú Yên	13CD-M	4.5	4.0	5.0	4.5	<i>Không đạt</i>
466	BK05221	13D2040063	Trần Thị Ngọc	Trinh	04.12.95	Bình Định	13CD-M	4.0	3.5	6.0	4.5	<i>Không đạt</i>
467	BK05308	13D2050225	Đinh Xuân	Trọng	14.12.94	Bình Thuận	13CD-Ô3	4.5	8.0	6.0	6.0	Trung bình
468	BK05379	13D201M071	Lương Văn	Trọng	20.06.93	Thanh Hóa	13CD-TM1	5.0	4.5	5.0	5.0	Trung bình
469	BK05270	13D2050226	Nguyễn Đức	Trọng	15.08.95	Bến Cát, Bình Dương	13CD-Ô1	6.0	5.0	4.5	5.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
470	BK05381	13D201M084	Phạm Gia Đức	Trọng	11.03.95	Bình Thuận	13CD-TM1	5.0	4.0	5.0	5.0	Trung bình
471	BK05050	13D2010233	Đặng Quốc	Trung	07.09.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-CK1	6.5	5.0	5.0	6.0	Trung bình
472	BK05400	13D301Đ158	Đỗ Tiến	Trung	02.01.94	Thống Nhất, Đồng Nai	13CD-Đ2	4.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt
473	BK05497	13D2050227	Đoàn Quang	Trung	18.02.95	Đồng Nai	13CD-Ô3	7.5	7.0	6.0	7.0	Khá
474	BK05069	13D2010234	Hồ Văn	Trung	15.08.94	Đức Linh, Bình Thuận	13CD-CK2	7.0	9.0	6.0	7.5	Khá
475	BK05486	13D2050229	Nguyễn Thành	Trung	20.02.95	Bình Định	13CD-Ô2	5.0	5.0	5.0	5.0	Trung bình
476	BK05309	13D2050230	Nguyễn Toàn	Trung	14.09.94	Bình Thuận	13CD-Ô3	4.5	8.0	5.0	5.5	Trung bình
477	BK05125	13D301Đ161	Phạm Minh	Trung	27.07.95	Chợ Gạo, Tiền Giang	13CD-Đ2	6.5	8.0	6.0	7.0	Khá
478	BK05099	13D2010236	Võ Hoàng	Trung	02.10.95	Quảng Ngãi	13CD-CK4	6.0	7.5	6.0	6.5	Trung bình
479	BK05051	13D2010238	Lê Ngọc Vũ	Trường	27.07.95	Bình Thuận	13CD-CK1	6.0	6.5	4.0	5.5	Trung bình
480	BK05160	13D3010144	Trần Nhựt	Trường	30.07.95	Châu Thành, Bến Tre	13CD-ĐT1	7.0	9.0	6.0	7.5	Khá
481	BK05126	13D301Đ164	Đàm Quốc	Tú	10.01.94	Duy Tiên, Hà Nam	13CD-Đ2	7.0	8.0	4.0	6.5	Trung bình
482	BK05474	13D2050236	Hà Anh	Tú	05.06.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô1	5.5	6.0	5.0	5.5	Trung bình
483	BK05512	13D201P095	Huỳnh Minh	Tú	26.05.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TP1	5.0	7.0	8.0	6.5	Trung bình
484	BK05348	13D201M072	Lê Thị Cẩm	Tú	08.10.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	5.0	7.5	8.0	6.5	Trung bình
485	BK05193	13D3010145	Nguyễn Anh	Tú	20.09.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-ĐT2	5.5	5.0	8.0	6.0	Trung bình
486	BK05445	13D2010242	Trần Ngọc	Tú	13.10.94	Bình Thuận	13CD-CK4	6.0	7.5	5.0	6.0	Trung bình
487	BK05310	13D2050238	Trương Công	Tú	10.03.93	Đắk Lắk	13CD-Ô3	4.5	7.0	7.0	6.0	Trung bình
488	BK05161	13D3010146	Võ Duy	Tú	16.02.95	H.Ea Kar, T.Đắk Lắk	13CD-ĐT1	6.5	8.5	5.0	6.5	Trung bình
489	BK05084	13D2010245	Huỳnh Văn	Tuấn	15.11.94	Bến Tre	13CD-CK3	6.0	9.0	5.0	6.5	Trung bình
490	BK05329	13D201M073	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	06.12.95	Tiền Giang	13CD-TM1	5.5	8.0	6.0	6.5	Trung bình
491	BK05546	12D301Đ159	Lê Thanh Anh	Tuấn	06.06.94	Ninh Thuận	12CD-Đ2	6.0	7.0	4.0	6.0	Trung bình
492	BK05535	13D201M074	Nguyễn Hoàng	Tuấn	29.04.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-TM2	6.0	8.0	5.0	6.5	Trung bình
493	BK05311	13D2050242	Phạm Hoàng Anh	Tuấn	26.09.94	Lâm Đồng	13CD-Ô3	3.0	6.5	6.0	4.5	Không đạt
494	BK05271	13D2050288	Phan Đoàn Anh	Tuấn	07.08.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	13CD-Ô1	6.5	7.0	8.0	7.0	Khá
495	BK05498	13D2050243	Phan Ngọc	Tuấn	04.10.95	Lâm Hà, Lâm Đồng	13CD-Ô3	8.0	7.0	9.0	8.0	Giỏi
496	BK05100	13D2010248	Trần Quốc	Tuấn	13.03.95	Đắk Lắk	13CD-CK4	6.0	8.5	6.0	6.5	Trung bình
497	BK05127	13D301Đ170	Phan Văn	Tuệ	05.08.93	Lộc Ninh, Sông Bé	13CD-Đ2	7.0	7.5	4.0	6.5	Trung bình
498	BK05380	13D201M077	Nguyễn Thanh	Tùng	17.10.95	Phú Yên	13CD-TM1	4.0	3.0	4.0	4.0	Không đạt
499	BK05439	13D2010250	Nguyễn Thanh	Tương	10.09.95	Mộ Đức, Quảng Ngãi	13CD-CK3	4.0	3.5	7.0	4.5	Không đạt
500	BK05469	13D3010151	Ngô Phi	Tường	20.12.95	Quảng Ngãi	13CD-ĐT2	5.0	6.5	4.0	5.0	Trung bình
501	BK05222	13D2040018	Bùi Thị Kim	Tuyền	16.12.94	Đồng Nai	13CD-M	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình
502	BK05499	13D2050303	Nguyễn Minh	Tuyền	06.05.94	Hải Lăng, Quảng Trị	13CD-Ô3	7.5	7.0	7.0	7.5	Khá
503	BK05052	13D2010253	Bùi Văn	Ty	23.10.95	An Nhơn, Bình Định	13CD-CK1	6.5	8.5	5.0	6.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
504	BK05360	13D201P101	Trần Văn	Út	07.06.93	Đăk Lăk	13CD-TP1	5.0	7.5	1.0	4.5	Không đạt
505	BK05223	13D2040053	Vũ Hoàn Phương	Uyên	26.10.94	TP.Hồ Chí Minh	13CD-M	6.5	6.5	6.0	6.5	Trung bình
506	BK05224	13D2040054	Nguyễn Thị Hồng	Vân	05.05.95	Bình Định	13CD-M	4.0	5.0	5.0	4.5	Không đạt
507	BK05295	13D2050249	Nguyễn Công	Vĩ	01.10.95	Đăk Lăk	13CD-Ô2	5.5	5.0	6.0	5.5	Trung bình
508	BK05312	13D2050250	Nguyễn Quốc	Viên	02.03.95	Bình Định	13CD-Ô3	5.0	7.5	6.0	6.0	Trung bình
509	BK05368	13D201P121	Hoàng Quốc	Việt	22.02.95	Lâm Đồng	13CD-TP2	6.5	5.5	6.0	6.0	Trung bình
510	BK05272	13D2050251	Nguyễn Hoàng	Việt	28.12.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô1	7.0	8.0	7.5	7.5	Khá
511	BK05313	13D2050253	Trần Quốc	Việt	06.10.95	Tuy Phước, Bình Định	13CD-Ô3	5.0	7.5	5.0	5.5	Trung bình
512	BK05101	13D2010256	Trần Văn Đại	Việt	15.07.95	Bình Thuận	13CD-CK4	6.0	4.0	5.0	5.5	Trung bình
513	BK05446	13D2010257	Hồ Quang	Vinh	10.04.94	Đồng Nai	13CD-CK4	6.5	7.0	5.0	6.5	Trung bình
514	BK05296	13D2050254	Huỳnh Lê	Vinh	27.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô2	5.0	5.0	7.0	5.5	Trung bình
515	BK05314	13D2050255	Lý Quốc	Vinh	17.03.94	Đức Hòa, Long An	13CD-Ô3	5.0	7.5	7.0	6.0	Trung bình
516	BK05414	13D2010258	Nguyễn Quang	Vinh	15.09.95	Đức Hòa, Long An	13CD-CK1	2.5	3.0	5.0	3.5	Không đạt
517	BK05297	13D2050257	Trịnh Văn	Vinh	01.02.95	Đăk Lăk	13CD-Ô2	5.5	4.5	7.0	5.5	Trung bình
518	BK05102	13D2010261	Nguyễn Anh	Vũ	15.02.95	Quảng Ngãi	13CD-CK4	6.5	5.0	6.0	6.0	Trung bình
519	BK05532	13D301Đ184	Nguyễn Thanh	Vũ	05.07.95	Bình Thuận	13CD-Đ2	4.5	7.0	4.0	5.0	Trung bình
520	BK05447	13D2010262	Nguyễn Trần Tuấn	Vũ	23.09.95	Đồng Tháp	13CD-CK4	3.0	3.5	5.0	3.5	Không đạt
521	BK05315	13D2050260	Nguyễn Văn	Vũ	08.11.94	Quảng Bình	13CD-Ô3	5.0	6.5	6.0	5.5	Trung bình
522	BK05246	13D2060067	Phạm Trọng	Vũ	15.09.95	Đồng Nai	13CD-NL1	5.5	5.5	7.0	6.0	Trung bình
523	BK05128	13D301Đ203	Nguyễn Văn	Vui	15.02.93	T.Thừa Thiên - Huế	13CD-Đ2	7.0	8.0	4.0	6.5	Trung bình
524	BK05528	12D3010177	Ngô Đức	Vượng	10.11.94		13CD-ĐT2	2.5	4.0	5.0	3.5	Không đạt
525	BK05522	13D201P104	Huỳnh Thị Minh	Vy	04.06.95	Bình Thuận	13CD-TP2	4.5	7.0	8.0	6.0	Trung bình
526	BK05129	13D301Đ179	Lương Triều	Vỹ	21.06.95	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Đ2	7.0	6.0	5.0	6.5	Trung bình
527	BK05544	13D2050262	Hồ Thanh	Xuân	18.10.95	Bình Định	13CD-Ô3	6.0	7.0	4.0	6.0	Trung bình
528	BK05225	13D2040056	Huỳnh Thị Thanh	Xuân	30.11.95	Bình Thuận	13CD-M	4.5	3.0	7.0	5.0	Trung bình
529	BK05163	13D3010159	Phạm Văn	Xuân	27.06.95	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	13CD-ĐT1	6.0	7.0	4.0	6.0	Trung bình
530	BK05349	13D201M106	Trương Huỳnh	Xương	27.07.95	Cà Mau	13CD-TM2	7.0	7.0	8.0	7.5	Khá
531	BK05471	13D2040067	Lê Thị Như	Ý	14.07.95	Bình Thuận	13CD-M	6.5	3.5	7.0	6.0	Trung bình
532	BK05448	13D2010281	Nguyễn Đình	Ý	23.01.95	Tây Sơn, Bình Định	13CD-CK4	3.5	4.0	6.0	4.5	Không đạt
533	BK05523	13D201P106	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	19.11.95	TP. Hồ Chí Minh	13CD-TP2	4.0	8.0	7.0	6.0	Trung bình

Tổng cộng danh sách có 533 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
----	----------------	---------	-----------------	-----------	----------	-----	------------------	--------------	----------	---------	----------

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
----	----------------	---------	-----------------	-----------	----------	-----	------------------	--------------	----------	---------	----------